

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phú

2. Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-ST ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐ-ST ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Th, sinh năm: 1999. (vắng mặt).

Nơi ở: Thôn Ngành Bến, xã Yên M, huyện Lạng G, tỉnh B

***Bị đơn:** Anh Dương Văn B, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hương Thân, xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của anh Dương Văn B tại Việt Nam là Thôn Hương Thân, xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 14/2/2022 và các lời

khia tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

Chị và anh Dương Văn B có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2018 tại UBND xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, được Ủy ban nhân dân xã Hương S cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu và chung sống cùng gia đình anh B. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để cùng nhau chăm sóc con cái nhưng do bất đồng về quan điểm nên không đạt được kết quả. Đến tháng 12/2019 anh B đi lao động tại nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng lại càng căng thẳng, tôi đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn B.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu D Thị Ánh D, sinh ngày 23/8/2018. Hiện nay cháu D đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Th còn trình bày: Hiện nay, anh B vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc được với anh B, anh B vẫn liên lạc về cho chị gái của anh B là chị Dương Thị H, sinh năm 1992 trú tại: Thôn Cánh Phượng, xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B nhưng chị Hồng cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh B được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh B.

Bị đơn anh Dương Văn B không có bản tự khai.

Ngày 22/3/2022 và ngày 31/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với chị của anh B là chị Dương Thị H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Cánh Phượng, xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu chị Hồng thông báo cho anh B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị Th và anh Dương Văn B; yêu

cầu anh B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu chị Hồng cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc chị Hồng vẫn giữ nguyên quan điểm là anh B ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh B, đồng thời chị cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh B biết để anh B gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh B gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn B vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Th; Biên bản làm việc với chị gái của anh B là chị Dương Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Vũ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh B không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh B; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Dương Văn B là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1,3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Th.

Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Dương Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu D Thị Ánh D, sinh ngày 23/8/2018 cho chị Vũ Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị Th không yêu cầu. Anh Dương Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Vũ Thị Th là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Th.

Đối với bị đơn anh Dương Văn B vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với chị gái của anh B là chị Dương Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị H thông báo cho anh B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị Th và anh Dương Văn B; Yêu cầu anh B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu chị H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Chị Dương Thị H trình bày: Anh B ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị qua điện thoại và mạng xã hội. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà chị H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh B cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh B biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Văn B theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Vũ Thị Th là nguyên đơn có đơn xin ly anh Dương Văn B, anh B hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 33621/QLXNC-P5 ngày 22/2/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh B đã xuất cảnh ngày 28/11/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của anh B ở Việt Nam là: Thôn Hương Thân, xã Hương S, huyện Lạng G, xã tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Vũ Thị Th và anh Dương Văn B kết hôn ngày 27/7/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương S, huyện Lạng G, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Th trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan

điểm không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để cùng nhau chăm sóc con cái nhưng do bất đồng về quan điểm nên không đạt được kết quả. Đến tháng 12/2019 anh B đi lao động tại nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng lại càng căng thẳng, tôi đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Th. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Th và anh B chung sống với nhau hạnh phúc, được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2019 thì anh B đã đi xuất khẩu lao động, từ khi đi nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng lại càng căng thẳng hơn, chị Th đã về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau, vợ chồng hoàn toàn độc lập về kinh tế. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn với anh Dương Văn B.

[4]. Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Dương Văn B có 01 con chung là cháu D Thị Ánh D, sinh ngày 23/8/2018. Hiện nay, cháu D đang ở cùng với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Th: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh B đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Dương Văn B từ khi đi nước ngoài thì cháu D vẫn do chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Th về nuôi con chung. Giao cho chị Vũ Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu D Thị Ánh D, sinh ngày 23/8/2018 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Dương Văn B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Dương Văn B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Vũ Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Th được ly hôn với anh Dương Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu D Thị Ánh D, sinh ngày 23/8/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Dương Văn B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000340 ngày 15/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị Th đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị Thưởng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Dương Văn B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Hương S, Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú Ngô Văn Bê

Trần Thị Hà

